

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1406 /2010/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 26 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 149/2004/NĐ-CP ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Cao Bằng tại Tờ trình số 726/TTr-STNMT ngày 10 tháng 8 năm 2010; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số 379/BCTĐ-STP ngày 06 tháng 8 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế quyết định số 3602/2005/QĐ-UBND, ngày 20 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước,
xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**
*(Ban hành kèm theo quyết định số 1406 /2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2010
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi đối với các loại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác nước dưới đất; giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước trên phạm vi tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có các hoạt động liên quan đến việc thăm dò nước dưới đất; khai thác nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước.

Điều 3. Quy định về quy mô khai thác sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong phạm vi gia đình

1. Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng < 0,02 m³/s;
2. Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện không có chuyển đổi dòng chảy với công suất lắp máy < 50kw;
3. Khai thác, sử dụng nước mặt cho mục đích khác với lượng nước khai thác < 40 m³/ngày đêm;
4. Khai thác, sử dụng nước dưới đất không nhằm mục đích kinh doanh với lượng nước khai thác < 5 m³/ngày đêm;
5. Xả nước thải vào nguồn nước từ các cơ sở sản xuất không nhằm mục đích kinh doanh với lượng nước thải < 4 m³/ngày đêm;

Điều 4. Các trường hợp không phải xin cấp giấy phép

1. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước không phải xin phép trong các trường hợp sau:

a) Khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất với quy mô nhỏ phục vụ sinh hoạt trong phạm vi gia đình;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất với quy mô nhỏ để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thủy điện và cho mục đích khác trong phạm vi gia đình;

c) Khai thác sử dụng nước mưa, nước mặt trong phạm vi diện tích đất được giao, được thuê theo quy định của Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và các quy định khác của Pháp luật;

d) Khai thác, sử dụng tài nguyên nước không nhằm mục đích kinh doanh phục vụ các hoạt động lâm nghiệp, giao thông thủy, nuôi trồng thủy sản, thể thao, giải trí, du lịch, y tế, an dưỡng, nghiên cứu khoa học;

đ) Khai thác nước dưới đất từ các công trình thay thế có quy mô không lớn hơn và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép đã được xác định trong giấy phép, nằm trong khu vực đã được cấp phép;

2. Xả nước thải vào nguồn nước với quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình;

3. Khai thác, sử dụng nước dưới đất với quy mô nhỏ trong phạm vi gia đình không phải xin phép nhưng phải đăng ký trong các trường hợp sau:

a) Khai thác, sử dụng nước dưới đất để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp trong vùng mà tổng lượng nước khai thác vượt quá tổng lượng dòng ngầm trung bình mùa kiệt;

b) Chiều sâu giếng khai thác > 40 m.

Chương II

THẨM QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP

Điều 5. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong các trường hợp sau: (mục I phụ lục kèm theo).

2. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong các trường hợp sau: (mục II phụ lục kèm theo).

3. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép trong các trường hợp sau: (mục III phụ lục kèm theo).

4. Việc thu hồi giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước do cơ quan cấp phép quyết định.

Điều 6. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

1. Tiếp nhận đơn, hồ sơ xin thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước của các tổ chức, cá nhân;

2. Thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo quy định tại khoản 2 điều 5 của quy định này, hoặc trả lời chủ đơn về lý do giấy phép không được cấp;

3. Cấp giấy phép, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng tại khoản 3, Điều 5 của quy định này;

4. Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân làm thủ tục xin cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo đúng quy định của pháp luật;

5. Giám sát, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong việc thực hiện quy định này.

Điều 7. Chủ đầu tư công trình có trách nhiệm

Các dự án đầu tư xây dựng có liên quan đến việc thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thì chủ đầu tư phải làm thủ tục xin cấp giấy phép sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước sau khi Dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Phí thẩm định hồ sơ, Lệ phí cấp giấy phép

Phí thẩm định hồ sơ, lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, THAY ĐỔI THỜI HẠN, ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG, ĐÌNH CHỈ HIỆU LỰC VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP

Điều 9. Tổ chức, cá nhân đứng tên đề nghị cấp phép

1. Trường hợp công trình chuẩn bị đầu tư có khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước thì chủ đầu tư đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và thực hiện các thủ tục xin cấp phép sau khi dự án được duyệt và khi nghiệm thu bàn giao công trình để đưa vào sử dụng, nếu chủ đầu tư không trực tiếp quản lý, vận hành công trình thì chủ đầu tư phải có văn bản bàn giao giấy phép về tài nguyên nước cho tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ giấy phép;

2. Trường hợp công trình đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, thuộc sở hữu của Nhà nước nhưng chưa có giấy phép, thì tổ chức, cá nhân quản lý, vận hành công trình đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

3. Trường hợp công trình đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, không thuộc sở hữu của Nhà nước và chưa có giấy phép, thì chủ sở hữu công trình đứng tên đề nghị cấp giấy phép; Trường hợp công trình thuộc sở hữu của cộng đồng dân cư thì Ủy ban nhân dân xã nơi có công trình đang khai thác đứng tên hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có $Q \geq 200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm; thiết kế giếng thăm dò đối với công trình có $Q < 200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm;

c) Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất, hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng đất để thăm dò;

Mẫu hồ sơ quy định tại mục I trong danh mục mẫu hồ sơ xin cấp phép ban hành kèm theo Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường .

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) Đề án khai thác nước dưới đất đối với trường hợp chưa có công trình khai thác; Báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất đối với trường hợp công trình đang hoạt động;

c) Báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng nước dưới đất đối với công trình có $Q \geq 200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm (Q là lưu lượng); báo cáo kết quả thi công giếng khai thác đối với công trình có $Q < 200 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm;

d) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;

đ) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác nước dưới đất theo hệ tọa độ VN 2000;

e) Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất (theo quy định của Luật Đất đai) nơi đặt công trình khai thác; trường hợp đất nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận;

Mẫu hồ sơ quy định tại mục II trong danh mục mẫu hồ sơ xin cấp phép ban hành kèm theo Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường .

3. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt bao gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- b) Đề án khai thác, sử dụng nước kèm theo quy trình vận hành đối với trường hợp chưa có công trình khai thác; Báo cáo hiện trạng khai thác, sử dụng nước đối với trường hợp đang có công trình khai thác;
- c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước cho mục đích sử dụng theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;
- d) Bản đồ khu vực và vị trí công trình khai thác theo hệ tọa độ VN 2000;
- e) Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình khai thác; trường hợp đất nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân khai thác với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận;

Mẫu hồ sơ quy định tại mục III trong danh mục mẫu hồ sơ xin cấp phép ban hành kèm theo Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường .

4. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;
- b) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước nơi tiếp nhận nước thải theo quy định của Nhà nước tại thời điểm xin cấp phép;
- c) Quy định vùng bảo hộ vệ sinh(nếu có) do cơ quan có thẩm quyền quy định tại nơi dự kiến xả nước thải;
- d) Đề án xả nước thải vào nguồn nước kèm theo quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải đối với trường hợp chưa có công trình xử lý nước thải; Báo cáo hiện trạng xả nước thải kèm theo kết quả phân tích thành phần nước thải và giấy xác nhận đã nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong trường hợp đang xả nước thải và đã có công trình xử lý nước thải;
- e) Bản đồ vị trí khu vực xả nước thải vào nguồn nước tỷ lệ 1/10.000;
- g) Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc bản xác nhận đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- h) Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp lệ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại nơi đặt công trình khai thác; trường hợp đất nơi đặt công trình khai thác không thuộc quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân xin phép thì phải có văn bản thoả thuận cho sử dụng đất giữa tổ chức, cá nhân xả nước thải với tổ chức, cá nhân đang có quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận;

Mẫu hồ sơ quy định tại mục IV trong danh mục mẫu hồ sơ xin cấp phép ban hành kèm theo Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Hồ sơ đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn, hoặc thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;
- b) Giấy phép đã được cấp;
- c) Kết quả phân tích chất lượng nguồn nước theo quy định của nhà nước tại thời điểm xin gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép;
- d) Báo cáo việc thực hiện các quy định trong giấy phép;
- e) Đề án thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trong trường hợp đề nghị điều chỉnh nội dung giấy phép;

Mẫu hồ sơ quy định tại mục V trong danh mục mẫu hồ sơ xin cấp phép ban hành kèm theo Thông tư số 02/2005/TT-BTNMT ngày 24 tháng 6 năm 2005 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 11. Điều kiện để được gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

1. Chủ giấy phép hoàn thành mọi nghĩa vụ quy định tại Điều 18 Nghị định 149/2004/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước.

2. Giấy phép còn thời hạn trên 03 tháng.

Điều 12. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép

1. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là Cục quản lý tài nguyên nước (thẩm quyền cấp giấy phép thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường) thì tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép sao gửi 01 bộ hồ sơ, (kèm theo File số) tới sở Tài nguyên và Môi trường Tỉnh;

b) Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ là sở Tài nguyên và Môi trường (thẩm quyền cấp giấy phép thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh uỷ quyền cho sở Tài nguyên và Môi trường) thì tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp 02 bộ hồ sơ, (kèm theo File số) tại sở Tài nguyên và Môi trường;

2. Trình tự cấp giấy phép

a) Kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

b) Thời hạn thẩm định:

Thời hạn thẩm định hồ sơ được tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Trong thời hạn thẩm định hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường khi cần thiết, nếu đủ điều kiện cấp phép thì trình cấp có thẩm quyền cấp phép, trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo lý do không được cấp phép, thời hạn thẩm định quy định cụ thể như sau:

b.1. Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất là 15 ngày làm việc;

b.2. Thời hạn thẩm định hồ sơ khai thác nước dưới đất là 15 ngày làm việc đối với trường hợp đã có giếng khai thác;

b.3. Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt là 30 ngày làm việc;

b.4. Thời hạn thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước là 30 ngày làm việc;

Điều 13. Trình tự, thủ tục gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép

1. Tiếp nhận hồ sơ:

Chủ giấy phép đề nghị gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ(cơ quan cấp giấy phép); trường hợp cơ quan tiếp nhận là Cục Quản lý tài nguyên nước thì tổ chức, cá nhân sao gửi 01 bộ hồ sơ tới sở Tài nguyên và Môi trường;

2. Kiểm tra hồ sơ:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

3. Thời hạn thẩm định:

Trong thời hạn 20 ngày làm việc, tính từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa, ra quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định gia hạn, thay đổi thời hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép.

Điều 14. Đình chỉ hiệu lực giấy phép

1. Việc đình chỉ hiệu lực của giấy phép do cơ quan cấp phép quyết định, giấy phép bị đình chỉ trong các trường hợp:

a) Chủ giấy phép vi phạm nội dung quy định của giấy phép;

b) Chủ giấy phép tự ý chuyển nhượng giấy phép;

c) Chủ giấy phép lợi dụng giấy phép để tổ chức hoạt động trái với quy định của nội dung giấy phép.

2. Khi thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra định kỳ hoặc đột xuất, nếu phát hiện chủ giấy phép vi phạm các nội dung quy định tại khoản 1 điều này thì người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho cơ quan cấp phép; trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo, cơ quan cấp phép có trách nhiệm xem xét việc đình chỉ hiệu lực của giấy phép.

Điều 15. Thu hồi giấy phép

1. Việc thu hồi giấy phép do cơ quan cấp phép quyết định; giấy phép bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Tổ chức là chủ giấy phép bị giải thể hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản; Cá nhân là chủ giấy phép bị chết hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, hoặc bị tuyên bố mất tích;

b) Giấy phép được cấp nhưng không sử dụng trong thời gian 12 tháng liên tục không có lý do;

c) Chủ giấy phép vi phạm quyết định đình chỉ hiệu lực của giấy phép;

d) Chủ giấy phép vi phạm nội dung quy định của giấy phép, gây cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước;

đ) Giấy phép được cấp không đúng thẩm quyền;

e) Khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi giấy phép vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, công cộng.

2. Trường hợp giấy phép bị thu hồi do vi phạm quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều này, chủ giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau 3 năm kể từ ngày thu hồi, nếu đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến lý do thu hồi giấy phép cũ;

3. Trường hợp giấy phép bị thu hồi do vi phạm quy định tại các điểm đ và e khoản 1 Điều này, thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét cấp giấy phép mới.

Điều 16. Trả lại giấy phép

1. Trường hợp không sử dụng giấy phép, chủ giấy phép có quyền trả lại giấy phép cho cơ quan cấp phép, đồng thời có văn bản giải trình lý do cho cơ quan cấp phép;

2. Tổ chức, cá nhân đã trả lại giấy phép chỉ được xem xét cấp giấy phép mới sau 02 năm kể từ ngày trả lại giấy phép.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép mà còn thời hạn thì tiếp tục có hiệu lực cho đến khi giấy phép hết hạn;

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định này đều bị xử phạt theo Nghị định số 34/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước;

3. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hoàng Anh

PHỤ LỤC: THẨM QUYỀN CẤP GIẤY PHÉP

(Kèm theo Quyết định số 1406/2010/QĐ-UBND, ngày 26 /8/2010 của UBND tỉnh)

S T T	Mục đích	Khai thác, sử dụng nước mặt			Thăm dò, khai thác nước ngầm		Xả nước thải vào nguồn nước
		S.xuất nông nghiệp	Thủy điện	Mục đích khác	Thăm dò	Khai thác	
	Thông số	Q (m ³ /s)	N _{Lm} (kW)	Q (m ³ /ng.đêm)	Q (m ³ /ng.đêm)	Q (m ³ /ng.đêm)	Q (m ³ /ng.đêm)
	Thẩm quyền						
I	Bộ Tài nguyên và Môi trường						
1	Đối với nước mặt, nước dưới đất	≥ 2	≥ 2.000	≥ 50.000	≥ 3.000	≥ 3.000	
2	Xả nước thải vào nguồn nước						≥ 5.000
II	Ủy ban nhân dân tỉnh						
1	Đối với nước mặt, nước dưới đất	1 - < 2	1.000-<2.000	40.000-<50.000	800-<3.000	800-<3.000	
2	Xả nước thải vào nguồn nước						2.000-5.000
III	UBND tỉnh uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường						
1	Đối với nước mặt, nước dưới đất	< 1	< 1.000	< 40.000	< 800	< 800	
2	Xả nước thải vào nguồn nước						< 2.000